

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT



TRẦN VĂN HÙNG

**PHÁT TRIỂN NGÀNH CHẾ BIẾN GỖ
VÙNG ĐÔNG NAM BỘ**

Ngành: Kinh tế học

Mã số ngành: 62.31.01.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

Tp. Hồ Chí Minh, năm 2016

Công trình được hoàn thành tại: **Trường Đại học Kinh tế Luật**

Người hướng dẫn khoa học: GS.TS Nguyễn Thanh Tuyền

Phản biện độc lập 1. PGS.TS Nguyễn Minh Đức

Phản biện độc lập 2. TS Nguyễn Văn Hiến

Phản biện 1. PGS.TS Nguyễn Văn Ngãi

Phản biện 2. PGS.TS Nguyễn Chí Hải

Phản biện 3. TS Nguyễn Văn Hiến

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án họp tại:

.....
.....
.....

Vào lúc..... ngày tháng năm 2016

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

- Thư viện trung tâm ĐHQG HCM
- Thư viện Khoa học Tổng hợp TP.HCM
- Thư viện Trường Đại học Kinh tế -Luật

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN

1.1. Lý do chọn đề tài

Trong những năm qua ngành công nghiệp chế biến gỗ Vùng Đông Nam Bộ đã có sự tăng trưởng mạnh mẽ, không ngừng tăng nhanh về số lượng, chất lượng cũng như chủng loại sản phẩm. Mặc dù đạt được nhiều thành tựu trong hơn 10 năm vừa qua nhưng ngành chế biến gỗ của vùng vẫn còn bộc lộ nhiều yếu kém và sự phát triển mang tính thiếu bền vững. Trước thực trạng đó để có cái nhìn đúng về hiện trạng ngành chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ, tìm hiểu những nhân tố ảnh hưởng và tác động đến ngành chế biến gỗ, những yếu tố tác động đến khả năng cạnh tranh của ngành, phân tích những cơ hội và thách thức của ngành chế biến gỗ cũng như phân tích tình hình kinh tế trong và ngoài nước, ảnh hưởng của các chính sách đến sự phát triển của ngành chế biến gỗ nên việc chọn đề tài **“Phát triển ngành chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ”** nhằm làm sáng tỏ những luận điểm lý luận và thực tiễn nêu trên, đồng thời là cơ sở để đề xuất giải pháp góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành trong quá trình hội nhập.

1.2. Mục tiêu nghiên cứu của luận án

Trên cơ sở các lý thuyết về phát triển ngành mà cụ thể là ngành công nghiệp chế biến, thông qua việc nghiên cứu thực trạng ngành chế biến gỗ Vùng Đông Nam Bộ, xác định được các nhân tố tác động đến sự phát triển của ngành, những thành tựu đạt được và những hạn chế. Trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp và khuyến nghị nhằm phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ của Vùng trong thời gian tới theo hướng phát triển bền vững.

Câu hỏi nghiên cứu: Để đạt được mục tiêu trên, những câu hỏi nghiên cứu sẽ được làm rõ trong luận án là:

1/ Đặc điểm của ngành chế biến gỗ và ảnh hưởng của nó đến sự phát triển của nền kinh tế nước ta như thế nào?

2/ Các nhân tố nào ảnh hưởng chính đến sự phát triển của ngành chế biến gỗ vùng nghiên cứu?

3/ Thực trạng công nghiệp chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ hiện nay như thế nào?

4/ Đề xuất những giải pháp, khuyến nghị góp phần phát triển ngành chế biến gỗ Vùng Đông Nam Bộ trong thời gian sắp tới?

1.3. Đối tượng và Phạm vi nghiên cứu

1.3.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận án chủ yếu tập trung nghiên cứu tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ trong thời gian từ 2000-2015. Qua đó xác định các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển của ngành chế biến gỗ trên địa bàn nghiên cứu. Dựa trên kinh nghiệm của một số nước và một số địa phương về sự phát triển của ngành chế biến gỗ. Từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho vùng Đông Nam Bộ.

1.3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về không gian: Luận án tập trung nghiên cứu các doanh nghiệp chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ.

Về thời gian: Luận án tập trung nghiên cứu các doanh nghiệp chế biến gỗ hoạt động trên địa bàn nghiên cứu trong giai đoạn từ năm 2000 đến 2015.

1.4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Luận án nghiên cứu định tính thể hiện trong phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.

1.4.1. Phương pháp luận:

Vận dụng các hình thái tư duy khoa học, chủ yếu là tư duy lý luận, tư duy thực tiễn, tư duy phản biện và tư duy sáng tạo với sự kết hợp các hình thái tư duy đó một cách có hệ thống của luận án.

1.4.2. Dữ Liệu và Phương pháp nghiên cứu:

Dữ Liệu: dữ liệu của luận án được thu thập bằng nguồn dữ liệu sơ cấp và thứ cấp

Phương pháp nghiên cứu: Để đạt được mục tiêu đề ra, luận án sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính trên cơ sở xác định đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu được xác lập. Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong luận án: Phương pháp tổng hợp các lý thuyết, Phương pháp so sánh đối chiếu, Phương pháp thống kê mô tả, Phương pháp tổng hợp và phân tích, Phương pháp chuyên gia.

1.5. Lược khảo tài liệu nghiên cứu

Các công trình, mô hình nghiên cứu trên đã đóng góp những vấn đề lý luận về *phát triển ngành chế biến gỗ*, tạo tiền đề cho việc nghiên cứu nhiều lĩnh vực về phát triển trong lĩnh vực kinh tế đặc biệt là phát triển ngành công nghiệp chế gỗ trong bối cảnh nước ta hội nhập vào nền kinh tế thế giới và đang trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Mặc dù, có nhiều công trình nghiên cứu cũng đã đề cập đến sự phát triển của ngành chế biến gỗ, tuy nhiên chưa có nghiên cứu nào đánh giá sự phát triển ngành chế biến gỗ Vùng Đông Nam Bộ, đặc biệt là đánh giá sự phát triển thông qua các chỉ tiêu phát triển ngành nên đây chính là vấn đề đặt ra cho luận án.

1.6. Những điểm mới của luận án

Điểm mới trong nghiên cứu này là đi sâu phân tích hiện trạng ngành chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ, xác định các nhân tố tác động đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành. Đồng thời đề xuất giải pháp phát triển ngành chế biến gỗ Vùng Đông Nam Bộ trong những năm tới.

1.7. Kết cấu các chương mục của luận án

Với những nội dung như trên, luận án được thể hiện trong 4 chương:

Chương 1: Tổng quan

Chương 2: Cơ sở lý luận về phát triển ngành chế biến gỗ ở Việt Nam

Chương 3: Thực trạng ngành công nghiệp chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ

Chương 4: Các giải pháp thúc đẩy phát triển ngành chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ

Tóm tắt chương 1:

Chương 1 đã nêu lên một số nội dung chủ yếu như sau: Nêu lý do chọn đề tài; mục tiêu nghiên cứu bao gồm mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể; đối tượng và phạm vi nghiên cứu; phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu; lược khảo các tài liệu nghiên cứu trên thế giới và ở Việt Nam; những điểm mới của luận án cũng được trình bày cụ thể trong nội dung chương này.

CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN NGÀNH CHẾ BIẾN GỖ Ở VIỆT NAM

2.1. Cơ sở lý luận về ngành và phát triển ngành.

2.1.1. Cơ sở lý luận về ngành, cụm ngành và năng lực cạnh tranh

2.1.1.1. Cơ sở lý luận về ngành

Ngành kinh tế quốc dân là tổng thể các đơn vị kinh tế hay chủ thể kinh tế cùng hoàn thành chức năng kinh tế nhất định hoặc cùng hoạt động giống nhau trong hệ thống phân công lao động xã hội.

Ngành sản xuất là tổ hợp các doanh nghiệp cùng sản xuất một loại sản phẩm có tính chất tương tự nhau mặc dù có những khác biệt nhưng tựu chung lại sản phẩm có tính thay thế nhau trong quá trình sử dụng.

Trong các tài liệu thống kê quốc tế, công nghiệp chế biến được hiểu là toàn bộ khu vực công nghiệp trừ ngành khai khoáng, xây dựng và những ngành cung cấp những tiện ích sinh hoạt xã hội (điện, nước, gas) thuộc mã ngành 3 trong ISIC (bảng mã ngành công nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế).

Chế biến gỗ là quá trình chuyển hóa gỗ nguyên liệu dưới tác dụng của thiết bị, máy móc hoặc công cụ, hóa chất để tạo thành các sản phẩm có hình dáng, kích thước, thành phần hóa học làm thay đổi hẳn so với nguyên liệu ban đầu.

2.1.1.2. Lý thuyết về cụm ngành

2.1.1.3. Lý thuyết về năng lực cạnh tranh

2.1.2. Khái niệm về phát triển và phát triển ngành

2.1.3. Một số lý thuyết về phát triển

2.1.4. Các chỉ tiêu đánh giá phát triển ngành

2.2. Lý luận về phát triển ngành chế biến gỗ

2.2.1. Một số khái niệm

Chế biến gỗ là quá trình chuyển hóa gỗ nguyên liệu dưới tác dụng của thiết bị, máy móc hoặc công cụ, hóa chất để tạo thành các sản phẩm có hình dáng, kích thước, thành phần hóa học làm thay đổi hẳn so với nguyên liệu ban đầu.

Phát triển ngành chế biến gỗ là quá trình phát triển trên cơ sở kết hợp hài hòa, hợp lý, chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với thực hiện tốt các vấn đề xã hội trong chế biến gỗ. Trong phát triển kinh tế đó là sự tăng trưởng về quy mô, chuyển dịch cơ cấu sản xuất và nâng cao hiệu quả kinh tế, trình độ tổ chức sản xuất. Trong phát triển xã hội là tăng thu nhập xã hội, sử dụng hợp lý các nguồn lực sản xuất và bảo vệ môi trường của hoạt động chế biến gỗ.

2.2.2. Tổng quan về ngành chế biến gỗ

2.2.2.1. Tổng quan về quan hệ cung - cầu gỗ

Về Cung Gỗ: Nguồn cung gỗ của Việt Nam bao gồm nguồn cung trong nước và nguồn nhập khẩu.

Về Cầu Gỗ: Về nhu cầu đối với gỗ nguyên liệu, theo VIFORES thì nhu cầu đối với gỗ nguyên liệu được phân nhóm theo sản phẩm đầu ra như sau: Gỗ rừng trồng trong nước; Gỗ nhập khẩu; Các loại gỗ vườn nhà; Các loại ván nhân tạo.

2.2.2.2. Chủ thể và các sản phẩm chủ yếu của ngành chế biến gỗ

Các chủ thể sản xuất và chế biến đồ gỗ có thể được chia thành 03 nhóm chủ yếu, bao gồm: Nhóm các doanh nghiệp chế biến gỗ, lâm sản

ngoài gỗ; Nhóm các cơ sở chế biến gỗ nằm trong làng nghề gỗ; Nhóm các hộ gia đình sản xuất kinh doanh đồ gỗ.

Sản phẩm đồ gỗ chủ yếu của Việt Nam phục vụ xuất khẩu và tiêu thụ trong nước. Có thể chia các sản phẩm gỗ xuất khẩu của Việt Nam thành 4 nhóm: Nhóm sản phẩm đồ mộc ngoài trời; Nhóm sản phẩm đồ mộc trong nhà; Nhóm đồ gỗ mỹ nghệ chủ; Nhóm sản phẩm dăm gỗ.

2.2.3. Đặc điểm, vai trò của ngành chế biến gỗ ở Việt Nam.

2.2.3.1. Đặc điểm của ngành chế biến gỗ ở Việt Nam.

Sản phẩm đồ gỗ là nhu cầu thiết yếu có thị trường cung ứng rộng rãi; Thích ứng với phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa; Sử dụng nhiều lao động có trình độ khác nhau; Trình độ công nghệ không cao, thuận lợi cho việc đầu tư phát triển; Sản phẩm đa dạng, phù hợp với nhu cầu của các tầng lớp dân cư.

2.2.3.2. Vai trò của ngành chế biến gỗ ở Việt Nam.

Cung ứng sản phẩm tiêu dùng thiết yếu và rộng rãi trên thị trường; Góp phần phát triển ngành Công nghiệp và phát triển kinh tế; Tạo nhiều việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động; Xuất khẩu tạo nguồn ngoại tệ quốc gia; Đóng góp nguồn thu cho Ngân sách Nhà nước

2.2.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển Công nghiệp chế biến gỗ.

2.2.4.1. Nguồn cung ứng về nguyên liệu

2.2.4.2. Nhu cầu của thị trường

2.2.4.3. Chất lượng, chủng loại và thị hiếu của sản phẩm

2.2.4.4. Trình độ công nghệ của các doanh nghiệp trong ngành chế biến gỗ

2.2.4.5. Chất lượng nguồn nhân lực

2.2.4.6. Năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp chế biến gỗ Việt Nam

2.2.4.7. Các chính sách của Chính phủ và quốc tế tác động đến sự phát triển của ngành chế biến gỗ trong thời gian qua

2.2.5. Các chỉ tiêu đánh giá phát triển ngành chế biến gỗ

Bao gồm 5 nhóm chỉ tiêu: (1). Chỉ tiêu phản ánh Tăng trưởng về qui mô; (2). Chỉ tiêu phản ánh về Chuyển dịch cơ cấu; (3). Chỉ tiêu phản ánh Hiệu quả kinh tế; (4). Chỉ tiêu phản ánh hiệu quả xã hội; (5). Chỉ tiêu Bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái: gắn với phát triển kinh tế

2.2.6. Lợi thế cạnh tranh, triển vọng phát triển, cơ hội và thách thức của ngành chế biến gỗ

2.2.6.1. Lợi thế cạnh tranh của ngành chế biến gỗ ở Việt Nam

2.2.6.2. Triển vọng phát triển ngành Công nghiệp chế biến gỗ ở Việt Nam trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế

2.2.6.3. Những cơ hội và thách thức của ngành chế biến gỗ Việt Nam khi tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu

2.3 Kinh nghiệm thực tiễn của các quốc gia, các địa phương về ngành chế biến gỗ và bài học rút ra cho Vùng Đông Nam Bộ

2.3.1. Kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới và các địa phương trong nước về chế biến gỗ

2.3.1.1. Trên thế giới: Mỹ, Newzealand, Nhật Bản, Trung Quốc, Đài Loan, Malaysia, Indonesia, Cameroon.

2.3.1.2. Trong nước: Bình Định, Đà Nẵng, Nghệ An.

2.3.2. Bài học kinh nghiệm cho ngành chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ

Tóm tắt chương 2

Chương 2 đã nêu lên những vấn đề mang tính chất tổng quan lý luận, khái quát về những vấn đề liên quan đến ngành chế biến gỗ trên thế giới và ở Việt Nam, có thể rút ra một số kết luận tóm tắt như sau:

Trình bày cơ sở lý luận về ngành, phát triển và sự phát triển ngành. Nêu một số lý thuyết về phát triển, phát triển ngành, phát triển ngành chế biến gỗ và các chỉ tiêu đánh giá phát triển ngành chế biến gỗ.

Trình bày khái niệm về ngành công nghiệp chế biến gỗ, tổng quan về quan hệ cung cầu gỗ, ngành chế biến gỗ và các chủ thể của ngành chế biến gỗ, nêu lên được các sản phẩm chủ yếu của ngành

Nêu được đặc điểm và vai trò của ngành chế biến gỗ đối với nền kinh tế; đóng góp vào sự phát triển của ngành công nghiệp và tăng trưởng kinh tế; tạo công ăn việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động; xuất khẩu tạo ngoại tệ và đóng góp vào nguồn thu ngân sách quốc gia.

Nêu lên các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển Công nghiệp chế biến gỗ như Nguồn cung ứng về nguyên liệu; Nhu cầu của thị trường; Chất lượng, chủng loại và thị hiếu của sản phẩm; Trình độ công nghệ của các doanh nghiệp trong ngành chế biến gỗ; Chất lượng nguồn nhân lực; Năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp chế biến gỗ Việt Nam; Các chính sách của Chính phủ và quốc tế tác động đến sự phát triển của ngành chế biến gỗ trong thời gian qua

Nêu kinh nghiệm quản lý của các nước trên thế giới, các địa phương khác trong nước về sản xuất chế biến gỗ, từ đó làm bài học kinh nghiệm cho Vùng Đông Nam Bộ.

CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG NGÀNH CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN GỖ VÙNG ĐÔNG NAM BỘ

3.1. Tổng quan vùng Đông Nam Bộ

3.1.1 Vị trí địa lý

3.1.2. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

3.1.3 Điều kiện kinh tế xã hội: Nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng, chính sách về phát triển ngành chế biến gỗ

Với lợi thế về điều kiện tự nhiên, nguồn tài nguyên, điều kiện kinh tế xã hội và là vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Vùng Đông Nam Bộ có điều kiện và tiềm lực phát triển ngành chế biến gỗ mang lại hiệu quả kinh tế xã hội cao trong tiến trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

3.2. Tổng quan ngành chế biến gỗ

3.2.1 Ngành chế biến gỗ thế giới

3.2.2 Tổng quan ngành chế biến gỗ của Việt Nam

3.2.2.1. Về quy mô của ngành chế biến gỗ

3.2.2.2 Về sản phẩm

3.2.2.3 Về tình hình tiêu thụ sản phẩm

3.2.2.4. Tình hình nguồn nguyên liệu

3.2.2.5. Về các dịch vụ hỗ trợ và liên kết trong ngành chế biến gỗ Việt Nam

3.3. Thực trạng phát triển ngành chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ

3.3.1. Tăng trưởng về qui mô của ngành chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ

3.3.1.1. Quy mô và sự phân bố doanh nghiệp của ngành chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ

Đông Nam Bộ là vùng có số lượng cơ sở chế biến gỗ lớn nhất và có tốc độ tăng nhanh nhất cả nước. Năm 2015 toàn Vùng có 2.352 doanh nghiệp, chiếm 59,78% tổng số cơ sở chế biến gỗ của cả nước, chiếm 74,71% trong tổng số các doanh nghiệp chế biến gỗ của miền Nam. So với năm 2010 số lượng cơ sở chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ tăng 556 doanh nghiệp tức tăng 30,95% và so với năm 2005 tăng 4,94 lần.

Bảng 3.7: Quy mô và sự phân bố các DN chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ

Tỉnh, thành phố	Năm 2000		Năm 2005		Năm 2010		Năm 2015	
	Số DN	Cơ cấu (%)	Số DN	Cơ cấu (%)	Số DN	Cơ cấu (%)	Số DN	Cơ cấu (%)
Vùng Đông Nam Bộ	254	100	476	100	1.796	100	2.352	100
Bình Dương	76	29,92	102	21,43	613	34,13	856	36,39
Đồng Nai	98	38,58	123	25,84	586	32,63	624	26,53
TP.Hồ Chí Minh	38	14,96	95	19,96	272	15,14	345	14,67
Các tỉnh còn lại	42	16,54	156	32,77	325	18,10	527	22,41

(Nguồn: Tổng cục thống kê Việt Nam, Cục thống kê Đồng Nai, Bình Dương, TP.Hồ Chí Minh, giai đoạn 2000-2015, theo chương trình điều tra doanh nghiệp hằng năm)

3.3.1.2. Qui mô về Vốn

Các doanh nghiệp chế biến gỗ có quy mô nhỏ của Vùng (dưới 1 tỷ đồng) vẫn còn chiếm tỷ lệ cao 27% trong tổng số các doanh nghiệp chế

biển gỗ Vùng Đông Nam Bộ. Các doanh nghiệp này có quy mô nhỏ, vốn ít, công nghệ lạc hậu, chủ yếu là gia công cho các công ty lớn. Các doanh nghiệp có quy mô lớn với mức vốn trên 100 tỷ đồng chiếm tỷ lệ còn thấp khoảng 12%. Đây là những doanh nghiệp có quy mô vốn lớn, đầu tư máy móc thiết bị hiện đại và có kinh nghiệm sản xuất. Hầu hết các sản phẩm của họ đều hướng đến xuất khẩu ra nước ngoài.

3.3.1.3. Quy mô về lao động

Nguồn nhân lực cho công nghiệp chế biến gỗ của Vùng nhìn chung còn yếu, hiện chưa có chính sách thu hút lao động đúng mức để ổn định sản xuất, đội ngũ chuyên gia và công nhân kỹ thuật chưa đáp ứng được đòi hỏi ngày càng cao của ngành.

3.3.1.4. Máy móc thiết bị, công nghệ

Theo VIFORES và quá trình điều tra khảo sát của tác giả về tình hình sử dụng máy móc thiết bị của các doanh nghiệp chế biến gỗ Vùng Đông Nam Bộ có thể chia thành các nhóm như sau: Nhóm các doanh nghiệp FDI và các doanh nghiệp lớn và vừa sản xuất sản phẩm xuất khẩu; Nhóm các doanh nghiệp sản xuất ván nhân tạo; Nhóm các doanh nghiệp chế biến đồ gỗ tiêu thụ nội địa; Nhóm các doanh nghiệp chế biến đồ gỗ mỹ nghệ.

3.3.1.5. Tình hình nguồn nguyên liệu

Nguồn nguyên liệu phục vụ cho ngành chế biến gỗ của Vùng Đông Nam Bộ được cung cấp từ hai nguồn chính là trong nước và nhập khẩu từ nước ngoài.

Nguồn nguyên liệu trong nước các doanh nghiệp chế biến gỗ mua trực tiếp từ các đầu nậu/nhà buôn tại các địa phương như Nghệ An, Gia Lai, Kom Tum, Đắk Lắk hoặc các đại lý của họ gần vùng sản xuất của các doanh nghiệp. Ngoài ra, nguồn nguyên liệu trong Vùng còn được các doanh nghiệp mua trực tiếp từ các đại lý cung cấp do khai thác gỗ vườn (chủ yếu là trầm, keo), khai thác từ rừng trồng và khai thác từ gỗ cao su thanh lý tại Vùng chiếm khoảng 10,21%.

Hiện tại tới 80% nguồn nguyên liệu gỗ của Vùng đang phải nhập khẩu, nguồn nguyên liệu gỗ trong nước đang thiếu và chưa có hướng phát triển khả quan. Việc nhập khẩu nguyên liệu sẽ làm tăng chi phí cho các doanh nghiệp, doanh nghiệp phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu (về thời gian, chất lượng, xuất xứ, tiêu chuẩn, chi phí,...). Bên cạnh đó việc nhập khẩu gỗ từ nước ngoài còn gặp phải khó khăn về nguồn gỗ hợp pháp, về các quy định của các nước như Hoa Kỳ và EU đặt ra rất nhiều quy định gắt gao như đạo luật LACEY của Hoa Kỳ và FLEGT của EU.

3.3.1.6. Qui mô thị trường tiêu thụ

* Thị trường xuất khẩu: Trong những năm qua, ngành chế biến và xuất khẩu sản phẩm gỗ của Vùng đã có những bước phát triển vượt bậc, với kim ngạch xuất khẩu luôn tăng trưởng cao. Năm 2000 kim ngạch xuất khẩu của ngành chế biến gỗ của Vùng đạt 142 triệu USD thì đến năm 2005 đạt 1124,64 triệu USD, năm 2010 đạt 2603,73 triệu USD, năm 2015 đạt 5.160,6 triệu USD tăng 98,2% so với năm 2010 và tăng 4,59 lần so với năm 2005.

* Thị trường tiêu thụ nội địa: Trong lúc kim ngạch xuất khẩu gỗ của Vùng đạt được những thành công đáng ghi nhận thì tại thị trường nội địa ngành gỗ của Vùng đang bị lấn át bởi các sản phẩm nhập khẩu hoặc sản phẩm sản xuất theo mẫu mã nhập từ nước ngoài như Trung Quốc, Malaysia, Thái Lan. Thị trường tiêu thụ nội địa của các doanh nghiệp chế biến gỗ trong Vùng chỉ chiếm từ 9% – 11% trong tổng doanh thu của doanh nghiệp.

3.3.2. Thực trạng chuyển dịch cơ cấu phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ vùng Đông Nam bộ

3.3.2.1. Chuyển dịch cơ cấu sản phẩm

Cơ cấu sản phẩm gỗ của Vùng Đông Nam Bộ trong những năm gần đây đã chuyển dịch từ việc sản xuất sản phẩm thô có giá trị gia tăng thấp đang chuyển sang theo hướng sản xuất các loại sản phẩm chế biến tinh có giá trị gia tăng cao.

3.3.2.2. Chuyển dịch cơ cấu tổ chức chế biến

3.3.2.3. Chuyển dịch Cơ cấu thị trường

Đối với thị trường xuất khẩu đồ gỗ: Chuyển dịch cơ cấu giá trị xuất khẩu; Kim ngạch và tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu; Tỷ lệ xuất khẩu ngành chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ; Thị trường xuất khẩu; Sản phẩm xuất khẩu

Đối với thị trường trong nước: Trong những năm vừa qua các doanh nghiệp chế biến gỗ vùng Đông Nam bộ sản xuất sản phẩm chủ hướng đến xuất khẩu, riêng đối với thị trường tiêu thụ nội địa còn chiếm tỷ lệ thấp và đang có xu hướng tăng lên trong những năm gần đây từ 9,8% trong năm 2000 lên đến 14,33% năm 2015. Điều này cho thấy các doanh nghiệp chế biến gỗ của Vùng đang dần chú trọng đến thị trường tiêu thụ nội địa.

3.3.3. Hiệu quả kinh tế của ngành chế biến gỗ Vùng Đông Nam Bộ

3.3.3.1 Kết quả và hiệu quả kinh tế của ngành chế biến gỗ Vùng Đông Nam Bộ

Theo tính toán dựa trên số liệu về điều tra doanh nghiệp hàng năm của các Cục thống kê các tỉnh trong vùng nghiên cứu, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ thể hiện qua các chỉ tiêu:

Về chi phí nguyên vật liệu: Chi phí nguyên liệu gỗ chiếm khoảng hơn 40% giá vốn hàng bán. Nguồn nguyên liệu gỗ của vùng chủ yếu nhập khẩu nên bị lệ thuộc vào nước ngoài và phải chịu chi phí trung gian về cung cấp nguyên liệu nên chi phí nguyên liệu chiếm tỷ trọng lớn trong quá trình sản xuất chế biến của các doanh nghiệp.

Về chi phí nhân công: chiếm 22% trong giá vốn hàng bán của các doanh nghiệp chế biến gỗ.

Ngoài ra, còn có các chi phí về khấu hao máy móc thiết, chi phí lãi vay,...

Theo tính toán dựa trên số liệu về điều tra doanh nghiệp hàng năm của Cục thống kê các tỉnh Vùng Đông Nam Bộ được nêu ở trên, hiệu quả

hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ có một số kết quả như sau:

Bảng 3.21: Kết quả, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ giai đoạn 2000 – 2015

Năm	Số DN	Vốn (tr. VND)	Doanh thu thuần (tr.đồng)	DT/Vốn (lần)	LNTT (tr.đồng)	LNTT / DT (%)	LNTT /Vốn (%)
2000	254	1.034.796	1.511.808	1,46	33.631	2,22	3,25
2001	274	1.113.262	1.339.860	1,20	37.517	2,80	3,37
2002	302	1.468.626	1.812.906	1,23	55.514	3,06	3,78
2003	353	1.812.302	2.130.002	1,18	82.641	3,88	4,56
2004	397	2.104.100	2.809.172	1,34	86.689	3,09	4,12
2005	476	2.522.800	3.711.372	1,47	124.122	3,34	4,92
2006	809	5.040.070	6.326.380	1,26	245.955	3,89	4,88
2007	1.214	9.991.220	12.771.280	1,28	377.668	2,96	3,78
2008	1.350	12.730.500	15.417.000	1,21	465.936	3,02	3,66
2009	1.620	20.622.600	25.628.400	1,24	344.397	1,34	1,67
2010	1.796	28.624.648	37.392.720	1,31	821.527	2,20	2,87
2011	1.886	33.957.430	59.891.147	1,76	1.646.935	2,75	4,85
2012	2.021	38.055.430	75.677.902	1,99	1.510.801	2,00	3,97
2013	2.324	45.673.572	88.060.777	1,93	1.941.127	2,20	4,25
2014	2.341	47.957.251	100.998.103	2,11	2.172.463	2,15	4,53
2015	2.352	50.834.686	126.499.900	2,49	2.373.980	1,88	4,67

(Nguồn: Tính toán từ số liệu điều tra doanh nghiệp hàng năm của Cục thống kê các tỉnh Vùng Đông Nam Bộ)

Tỷ số giữa doanh thu thuần và vốn đầu tư sản xuất: chỉ tiêu này phản ánh 1 đồng vốn đầu tư sản xuất làm ra được bao nhiêu đồng doanh thu thuần, chỉ tiêu này bình quân có tăng trưởng nhưng ở mức độ thấp. Thời kỳ 2000-2005 tỷ số giữa doanh thu thuần và vốn đầu tư sản xuất đạt 1,228, từ năm 2005 -2010 đạt 1,29 và giai đoạn 2011 – 2015 đạt 2,05.

Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần bình quân giai đoạn 2000-2005 đạt 3,07%, giai đoạn 2006-2010 đạt 2,68%, giai đoạn 2011-2015 đạt 2,2%. Tỷ suất này lại có xu hướng giảm trong những năm gần đây.

Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn đầu tư sản xuất đạt bình quân 3,95%. Chỉ tiêu này cho biết cứ 1 đồng vốn bỏ ra các doanh nghiệp chế biến gỗ đạt bình quân 0,0395 đồng lợi nhuận trước thuế.

Mặt khác, số liệu thống kê cho thấy các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đa phần cũng đều bị lỗ trong các báo cáo tài chính cuối năm và nguyên nhân là do giá nguyên liệu nhập cao hoặc có thể là do chuyển giá.

3.3.3.2. Tỷ lệ tham gia của các doanh nghiệp chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ vào chuỗi giá trị xuất khẩu và nội địa

Bảng 22: Số lượng và cơ cấu doanh nghiệp chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ phân theo sản phẩm chính năm 2015

Loại Sản phẩm chính	Tổng	DN trong nước/ liên doanh	DN FDI (100% vốn nước ngoài)	Cơ cấu DN (%)		
				Tổng	DN trong nước/liên doanh	DN FDI (100% vốn nước ngoài)
1. Sản xuất đồ gỗ (nội, ngoại thất)	1.887	1.626	261	80,23	86,17	13,83
2. Sản xuất ván ép	328	320	8	13,95	97,56	2,44
3. Chế biến dăm gỗ	78	72	6	3,32	92,31	7,69
4. Sản xuất ván MDF	34	29	5	1,45	85,29	14,71
5. Sản xuất ván ghép thanh	25	23	2	1,06	92,00	8,00
Tổng	2.352	2.070	282	100,00	88,01	11,99

(Nguồn: Cục thống kê Đồng Nai – Bình Dương và Tp.HCM, 2015)

Trong tổng số 2.352 doanh nghiệp chế biến gỗ của vùng có gần 500 doanh nghiệp tham gia xuất khẩu trực tiếp (chiếm 21,05% trong tổng số

các doanh nghiệp chế biến gỗ của vùng). Trong số các doanh nghiệp tham gia xuất khẩu trực tiếp thì đã có 282 doanh nghiệp FDI tham gia xuất khẩu trực tiếp, số doanh nghiệp còn lại tham gia xuất khẩu trực tiếp của vùng là 218 doanh nghiệp chiếm 9,27% trong tổng số doanh nghiệp chế biến gỗ của vùng Đông Nam Bộ. Điều này cho thấy các doanh nghiệp chế biến gỗ của vùng tham gia trực tiếp xuất khẩu thấp. 78,95% các doanh nghiệp chế biến gỗ còn lại là tham gia gia công cho các doanh nghiệp trực tiếp xuất khẩu và tiêu thụ nội địa.

3.3.4. Hiệu quả về mặt xã hội

Bên cạnh hiệu quả về mặt kinh tế, ngành chế biến vùng Đông Nam Bộ còn mang lại hiệu quả về mặt xã hội: Phát triển công nghiệp chế biến gỗ sẽ thúc đẩy phát triển sản xuất lâm nghiệp, công nghiệp phụ trợ và các dịch vụ, góp phần thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, đồng thời giải quyết việc làm cho người lao động, góp phần nâng cao dân trí, thúc đẩy tiến trình thực hiện các chỉ tiêu kinh tế xã hội quốc gia.

3.3.4.1. Tạo công ăn việc làm cho người lao động

3.3.4.2. Tăng năng suất lao động

Ngành chế biến gỗ của Vùng Đông Nam Bộ trong thời gian vừa qua tăng trưởng nhanh không những về qui mô doanh nghiệp, kim ngạch xuất khẩu, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm và đặc biệt ngành còn tạo được nhiều công ăn việc làm cho người lao động trong và ngoài Vùng Đông Nam Bộ. Nếu năm 2000 ngành chỉ có số 21.590 lao động tham gia vào ngành thì vào năm 2005 con số này là 32.476 lao động tăng 1,5 lần so với năm 2000. Năm 2010, ngành có 157.761 lao động tăng gấp 4,86 lần so với 2005. Năm 2015 ngành có 255.485 lao động gấp 1,62 lần so với 2010 và tăng gấp 11,83 lần so với năm 2000. Ngoài ra, hằng năm ngành còn thu hút nhiều lao động thời vụ để phục vụ cho các hợp đồng lớn vào cuối năm hay khi khai thác gỗ từ rừng trồng tự nhiên.

Do đặc điểm của ngành là sử dụng nhiều lao động và lao động giản đơn với số lao động 255.485 lao động, năm 2015 tạo ra giá trị sản xuất của ngành 124.125.921 triệu đồng, năng suất lao động bình quân giai đoạn 2000-2005 đạt 79,76 (triệu đồng/lao động), giai đoạn 2006-2010 đạt 174,05 (triệu đồng/lao động), giai đoạn 2011-2015 đạt 394,08 (triệu đồng/lao động), riêng năm 2015 năng suất bình quân một lao động là 485,84 (triệu đồng/lao động) tăng 2,1 lần so với năm 2010 và gấp 4,4 lần so với năm 2005.

3.3.4.3. Tăng thu nhập cho người lao động

Ngoài việc giải quyết công việc làm cho người lao động trong và ngoài vùng Đông Nam Bộ thì hằng năm ngành chế biến gỗ của Vùng còn tạo thu nhập cho người lao động, có nhiều chính sách ; chế độ ưu đãi với người lao động. Theo kết quả khảo sát của Hội thủ công Mỹ nghệ và chế biến gỗ Thành phố Hồ Chí Minh năm 2014, thu nhập bình quân một công nhân một tháng của Vùng Đông Nam Bộ là 4,2 triệu đồng/tháng. Trong khi đó ở Trung Quốc thu nhập bình quân một lao động trên tháng từ 3.000-4.000 nhân dân tệ/tháng tương ứng với 12 triệu đồng/tháng và gấp 4 lần thu nhập của Việt Nam. Đa số lao động trong ngành là lao động phổ thông, chưa được đào tạo tay nghề, chuyên môn nghiệp vụ nên điều này cũng ảnh hưởng đến thu nhập của người lao động và của doanh nghiệp.

3.3.4.4. Tăng nguồn thu cho ngân sách của Vùng Đông Nam Bộ

Hiện nay, chưa có tài liệu nào công bố về số thuế mà các doanh nghiệp chế biến gỗ của Vùng Đông Nam Bộ đã nộp qua các năm nhưng qua tìm hiểu thì các loại thuế chính mà các doanh nghiệp chế biến gỗ phải nộp đó là thuế môn bài, thuế sử dụng đất, thuế GTGT, thuế xuất nhập khẩu, thuế thu nhập cá nhân, thuế tài nguyên, thuế bảo vệ môi trường, thuế và phí khác, thuế thu nhập doanh nghiệp,... Trong các loại thuế mà doanh nghiệp chế biến gỗ đóng góp cho Nhà nước thì thuế TNDN vẫn là loại thuế đóng góp chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nguồn thuế đóng cho Nhà nước.

Giai đoạn 2000-2005: Năm 2000 với mức đóng góp từ thuế TNDN của các doanh nghiệp chế biến gỗ Vùng Đông Nam Bộ khoảng 10,76 tỷ đồng thì đến năm 2005 đạt 34,75 tỷ đồng tăng gấp 3,23 lần so với năm 2000 và với tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2000-2005 đạt 28,67%/năm.

Giai đoạn 2006-2010: Năm 2006 đạt khoảng 68,87 tỷ đồng thì đến năm 2010 đạt 205,38 tỷ đồng tăng gấp 5,19 lần so với năm 2005, gấp 19,08 lần so với năm 2000 và với tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2006-2010 đạt 35,27%/năm.

Giai đoạn 2011-2015: Năm 2015 với mức đóng góp từ thuế TNDN của các doanh nghiệp chế biến gỗ Vùng Đông Nam Bộ đạt khoảng 522,28 tỷ đồng tăng gấp 2,54 lần so với năm 2010, gấp 48,53 lần so với năm 2000 và với tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2011-2015 đạt 25,69%/năm.

Mặc dù, mức đóng góp thuế TNDN của các doanh nghiệp chế biến gỗ Vùng Đông Nam Bộ trong thời gian qua có xu hướng tăng phần nào thể hiện vai trò đóng góp của các doanh nghiệp vào ngân sách địa phương, phát triển kinh tế Vùng nhưng qua khảo sát thực tế chúng Tôi nhận thấy đa số các doanh nghiệp chế biến gỗ có vốn đầu tư nước ngoài có số liệu báo lỗ kết quả hoạt động hằng năm, điều này cũng gây ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách cũng như sự phát triển của ngành chế biến gỗ của Vùng nghiên cứu.

3.3.5. Bảo vệ và cải thiện môi trường của ngành chế biến gỗ ở Đông Nam Bộ

Trong tổng số 2.352 doanh nghiệp chế biến gỗ của Vùng hiện có thì có 51,66% số doanh nghiệp chế biến có quy mô nhỏ [tính toán từ số liệu của Tổng cục Thống kê, 2015], trang thiết bị đơn giản và chưa có biện pháp hạn chế các nguồn gây tác động đến môi trường. Chỉ những doanh nghiệp quy mô lớn, sản xuất công nghiệp và xuất khẩu mới có khả năng đầu tư xử lý ô nhiễm môi trường.

3.3.6. Liên kết trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ gỗ và sản phẩm gỗ tại Vùng Đông Nam Bộ

Sự liên kết trong hợp tác và phân công sản xuất của ngành chế biến gỗ Vùng Đông Nam Bộ chưa đạt kết quả cao thể hiện qua việc các doanh nghiệp chưa áp dụng cùng một quy trình sản xuất thống nhất về nguyên liệu, tuân thủ các tiêu chuẩn về phân loại và chất lượng trong sản xuất (quy trình sơn, keo, vecni), chưa có sự chuyên môn hoá theo cụm, chưa xây dựng được thương hiệu trên thị trường thế giới, thiếu vốn đầu tư cho phát triển và hiện đại hoá công nghệ, thiếu thông tin,... Các doanh nghiệp chế biến gỗ trong vùng thiếu sự liên kết chặt chẽ với nhau từ khâu sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

3.4. Phân tích cơ hội thách thức đối với sự phát triển ngành chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ

3.4.1. Nhiều Cơ hội:

3.4.2. Nhiều thách thức

Hội nhập quốc tế đang là xu thế tất yếu của các quốc gia và Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Thông qua việc phân tích các cơ hội và thách thức đối với ngành chế biến gỗ hiện tại cũng như triển vọng trong tương lai. Các doanh nghiệp chế biến trong Vùng cần nhận thấy và tận dụng tốt các cơ hội mà hội nhập kinh tế mang lại đồng thời cần đổi mới, tái cấu trúc, tổ chức sắp xếp lại sản xuất để hạn chế các thách thức để phát triển.

3.5. Vấn đề phát triển bền vững của ngành chế biến gỗ Đông Nam Bộ

3.5.1. Một số vấn đề về phát triển bền vững của ngành công nghiệp chế biến gỗ

Để ngành chế biến gỗ phát triển bền vững bền vững thì việc sử dụng hợp lý, tiết kiệm các nguồn lực, tránh khai thác quá mức khả năng, ngưỡng chịu đựng của hệ sinh thái và phá vỡ cân bằng sinh thái, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu vào, chú trọng đầu tư chiều sâu vào tài nguyên rừng. Trong quá trình sản xuất chế biến phải chú trọng đến việc bảo vệ môi trường, tránh gây ô nhiễm môi trường, bảo vệ sức khỏe người

lao động và cộng đồng. Phát triển sản xuất, chế biến phải gắn với thị trường, sát với nhu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng.

3.5.2 Những biểu hiện chưa bền vững trong quá trình phát triển ngành chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ

Nguồn nguyên liệu gỗ khai thác trong nước chưa hợp lý, khoa học. Công tác quy hoạch vùng nguyên liệu gỗ phục vụ cho chế biến chưa gắn với công nghiệp chế biến và tiêu thụ sản phẩm gỗ. Chưa chủ động được nguồn nguyên liệu cho chế biến gỗ. Các chính sách về lao động và nguồn nhân lực trong những năm vừa qua thường ưu tiên về đào tạo đại học và cao đẳng chưa chú trọng đến đào tạo nghề cho người lao động, gây nên sự mất cân đối về nguồn lao động. Chưa có sự đầu tư đúng mức như chế độ, chính sách tín dụng dẫn đến chưa thể có được những sáng tạo, công trình, máy móc thiết bị phục vụ ngành chế biến gỗ nhằm làm giảm chi phí, nâng cao chất lượng sản phẩm. Mô hình tổ chức thị trường tiêu thụ sản phẩm chưa hợp lý, thị phần và vị thế của các doanh nghiệp chế biến gỗ trong Vùng còn yếu, chủ yếu gia công cho nước ngoài, việc tiêu thụ phải qua nhiều trung gian. Trong quá trình hoạch định chính sách liên quan đến ngành chế biến gỗ, chúng ta chưa chú trọng đến việc phát triển bền vững và đánh giá những tác động tiêu cực của các chính sách này.

3.6. Đánh giá chung về thực trạng phát triển ngành chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ trong thời gian qua

3.6.1. Tóm tắt hoạt động thực tiễn ngành chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ

Trong những năm vừa qua ngành chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể, là ngành kinh tế mũi nhọn của Vùng kể từ khi Việt Nam mở cửa nền kinh tế, tham gia nhiều tổ chức kinh tế như WTO, đàm phán các AFTA, TPP, AEC... Mặc dù, ngành gỗ chế biến vùng Đông Nam Bộ có mức trưởng cao và có điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội thuận lợi nhưng chất lượng tăng trưởng thấp và không bền vững. Tăng trưởng của ngành chế biến gỗ của Vùng trong giai đoạn vừa qua vẫn chủ yếu dựa vào xuất khẩu, đa số là gia công, phụ thuộc vào đơn đặt

hàng và thiết kế mẫu mã từ nước ngoài, hiệu quả sản xuất còn thấp, sức cạnh tranh yếu, việc tiêu thụ thông qua nhiều trung gian làm giảm giá trị sản phẩm. Hiện chỉ có một số ít doanh nghiệp có thể đầu tư công nghệ, thiết bị và có khả năng tự sản xuất theo thiết kế riêng, tìm kiếm thị trường tiêu thụ, nâng cao giá trị gia tăng. Còn lại đa số là các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, sản xuất chủ yếu là gia công, khó có khả năng nhận những đơn hàng lớn, thiếu tính liên kết trong sản xuất chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

3.6.2. Những hạn chế và nguyên nhân tồn tại trong hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành chế biến gỗ ở Đông Nam Bộ

3.6.2.1. Về phía Doanh nghiệp:

Bên cạnh những lợi thế để tăng trưởng và chiếm lĩnh thị trường nội địa và thị trường xuất khẩu, thì các doanh nghiệp chế biến gỗ Vùng Đông Nam Bộ còn một số tồn tại sau: Năng lực cạnh tranh hạn chế, giá trị gia tăng thấp, năng suất lao động thấp trang thiết bị và công nghệ ở mức trung bình.

3.6.2.2. Về phía Chính quyền và Cơ chế quản lý đối với ngành chế biến gỗ:

Tóm tắt chương 3

Nội dung chính của chương 3 được tóm tắt như sau:

Nêu tổng quan về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên vùng Đông Nam Bộ, những yếu tố tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển ngành chế biến gỗ.

Phân tích tổng quan ngành chế biến gỗ thế giới và ngành chế biến gỗ Việt Nam, đưa ra những nhận xét đánh giá, những tác động đối với sự phát triển ngành chế biến gỗ Vùng Đông Nam Bộ.

Đánh giá thực trạng ngành chế biến gỗ Vùng Đông Nam Bộ thông qua hệ thống các chỉ tiêu tăng trưởng về qui mô ngành, chuyển dịch cơ cấu, chỉ tiêu phản ánh hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội của ngành, bảo vệ và cải thiện môi trường của ngành chế biến gỗ ở Đông Nam Bộ. Qua đó, phân tích cơ hội và thách thức của ngành chế biến gỗ của Vùng; nêu vấn

đề liên kết trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ gỗ và sản phẩm gỗ tại Vùng Đông Nam Bộ.

Chương 3 cũng đề cập đến vấn đề phát triển bền vững của ngành chế biến gỗ Đông Nam Bộ và đã đánh giá chung được thực trạng hoạt động chế biến gỗ của Vùng Đông Nam Bộ trong thời gian qua. Nêu lên những hạn chế và nguyên nhân tồn tại của ngành chế biến gỗ ở Đông Nam Bộ trong thời gian qua (từ phía Doanh nghiệp, Chính quyền và Cơ chế quản lý).

CHƯƠNG 4: CÁC GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN NGÀNH CHẾ BIẾN GỖ VÙNG ĐÔNG NAM BỘ

4.1. Định hướng phát triển ngành chế biến gỗ Vùng Đông Nam Bộ trong thời gian tới

4.1.1. Định hướng tổng quát phát triển ngành chế biến gỗ Vùng Đông Nam Bộ

Trên các góc độ như thị trường, sản xuất, nguyên liệu phục vụ sản xuất, chính sách, môi trường. Qua đó, có thể nói Vùng Đông Nam Bộ có thể và cần tập trung các chính sách phát triển đồng bộ, hiệu quả ngành chế biến gỗ trong thời gian tới, coi đây như là một ngành sản xuất, xuất khẩu và là ngành kinh tế mũi nhọn của Vùng.

4.1.2. Định hướng phát triển theo từng tiêu chí cụ thể

Định hướng chủng loại sản phẩm, định hướng thị trường, định hướng nguồn cung ứng nguyên liệu, định hướng quy mô và công nghệ chế biến, định hướng nguồn nhân lực, định hướng về cạnh tranh.

4.1.3 Định hướng phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ trở thành ngành kinh tế mũi nhọn và phát triển theo hướng bền vững

4.2. Quan điểm và mục tiêu phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ Vùng Đông Nam Bộ

4.2.1. Quan điểm phát triển

Công nghiệp chế biến và thương mại sản phẩm gỗ của Vùng phải được coi là động lực phát triển kinh tế và trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của Vùng, đóng vai trò thúc đẩy sự phát triển rừng, tận dụng các lợi thế về đất đai và nhân lực trong các vùng rừng, tăng cường sự hợp tác giữa các cơ sở chế biến gỗ với người trồng rừng, phát triển ngành chế biến gỗ nhằm thúc đẩy kinh tế phát triển.

4.2.2. Mục tiêu phát triển

Với các quan điểm và định hướng phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ của Vùng thì mục tiêu của ngành cần: Xây dựng công nghiệp chế biến gỗ thành ngành sản xuất có công nghệ tiên tiến, hiện đại, đồng bộ từ sản xuất, cung ứng nguyên liệu đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm; có khả năng cạnh tranh cao để chủ động xâm nhập thị trường quốc tế; tăng kim ngạch xuất khẩu và đáp ứng nhu cầu tiêu thụ nội địa; đảm bảo có sự tham gia rộng rãi của các thành phần kinh tế nhằm đóng góp ngày càng tăng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường.

4.3. Dự báo sự phát triển của ngành chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ trong thời gian tới

4.3.1. Bối cảnh kinh tế - xã hội

4.3.2. Dự báo sự phát triển của ngành chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ trong thời gian tới

4.4. Các giải pháp phát triển ngành chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ

4.4.1. Nhóm giải pháp nhằm thúc đẩy tăng trưởng về qui mô của ngành

4.4.1.1. Giải pháp về vốn

Thứ nhất, Các doanh nghiệp chế biến gỗ chú trọng tích lũy vốn, giảm dần tỷ trọng vốn vay trong tổng nguồn vốn, từng bước nâng cao qui mô vốn để phát triển thành các doanh nghiệp có qui mô lớn và hiện đại. .

Thứ hai, ngoài nguồn vốn tự huy động, các doanh nghiệp chế biến gỗ trong vùng cần tiếp cận và khai thác nguồn vốn hỗ trợ khác.

4.4.1.2. Giải pháp về nguồn nhân lực

Thứ nhất, Chính phủ, Bộ Giáo dục Đào tạo, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tiếp tục hỗ trợ các trường Đại học thuộc Vùng Đông Nam Bộ chuyên đào tạo cán bộ thuộc chuyên ngành chế biến gỗ có trình độ đại học, cao học, có trình độ chuyên môn cao về ngành chế biến gỗ, có khả năng nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào trong sản xuất, chế biến, thiết kế sản phẩm gỗ.

Thứ hai, các doanh nghiệp chế biến gỗ của vùng cần chủ động trong công tác đào tạo nguồn nhân lực cho chính đơn vị nhằm đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng chuyên môn tay nghề cao, đáp ứng được yêu cầu công việc của doanh nghiệp.

4.4.1.3. Phát triển nguồn nguyên liệu (trong và ngoài nước)

Thứ nhất, đối với gỗ nhập khẩu: Các doanh nghiệp liên kết hỗ trợ với nhau, sau đó lên kế hoạch trình Hiệp hội gỗ và Lâm sản, Bộ Công thương xét duyệt ký kết hợp đồng với nước có nguồn gỗ hợp pháp, đạt tiêu chuẩn, dồi dào, giá rẻ, ổn định.

Thứ hai, đối với gỗ trong nước: để đáp ứng nhu cầu nguyên vật liệu gỗ cho chế biến bền vững, Chính phủ hạn chế việc khai thác rừng tự nhiên và bắt buộc các chủ rừng phải áp dụng phương pháp quản lý rừng bền vững trên ba phương diện: môi trường, kinh tế và xã hội. Để có thể chủ động nguồn cung nguyên liệu gỗ dài hạn đồng thời nâng cao hình ảnh của chủ rừng và khả năng tiếp thị của các doanh nghiệp, chính phủ cần hỗ trợ các doanh nghiệp đạt được chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC).

4.4.1.4. Giải pháp về thị trường

Thứ nhất, đối với thị trường tiêu thụ trong nước:

Thứ hai, đối với thị trường tiêu thụ nước ngoài:

4.4.2. Nhóm giải pháp về chuyển dịch cơ cấu phát triển ngành CBG

4.4.2.1. Giải pháp về chuyển dịch cơ cấu sản phẩm

Thứ nhất, cần xác định các sản phẩm mũi nhọn, đa dạng hóa mẫu mã sản phẩm, từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm có lợi thế cạnh tranh trên thị trường thế giới.

Thứ hai, tùy thuộc vào các đặc trưng tiêu dùng của các thị trường khác nhau nên thiết kế sản phẩm theo từng bộ sưu tập khác nhau, có tên gọi và quy định mức giá khác nhau để phù hợp với từng phân khúc thị trường. Các doanh nghiệp cần lựa chọn những sản phẩm mà doanh nghiệp có thế mạnh và khai thác những lợi thế của quốc gia để lựa chọn sản phẩm thích hợp cho việc xúc tiến xuất khẩu.

4.4.2.2. Giải pháp chuyển dịch cơ cấu thị trường

Các doanh nghiệp chế biến vùng Đông Nam Bộ, ngoài việc chú trọng các thị trường xuất khẩu cần chú trọng đến việc tiêu thụ tại thị trường nội địa.

4.4.2.3. Giải pháp nghiên cứu và phát triển (R&D)

Các doanh nghiệp cần thành lập bộ phận nghiên cứu và phát triển với các tổ chuyên môn về nghiên cứu máy móc thiết bị, tổ nghiên cứu về sản phẩm, tổ nghiên cứu về thị trường,...

4.4.2.4. Giải pháp liên kết các doanh nghiệp trong ngành

Các doanh nghiệp cần liên kết chặt chẽ với nhau từ khâu thu mua nguyên liệu, chế tạo sản phẩm, tiêu thụ sản phẩm v.v. nhằm giảm bớt chi phí, hạ giá thành sản phẩm, tránh tình trạng cạnh tranh không lành mạnh, tạo thành một khối liên kết và sức mạnh lớn về vốn, về khả năng sản xuất các đơn hàng lớn góp phần gia tăng giá trị sản phẩm của ngành.

4.4.3. Nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội của ngành chế biến gỗ

4.4.3.1. Giải pháp nâng cao hiệu quả kinh tế của các doanh nghiệp ngành chế biến gỗ Vùng Đông Nam Bộ

Thứ nhất, các doanh nghiệp chế biến gỗ chú trọng đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực.

Thứ hai, các doanh nghiệp chế biến gỗ cần điều chỉnh cơ cấu vốn kinh doanh của mỗi doanh nghiệp theo hướng tăng dần tỷ trọng vốn chủ sở hữu và giảm dần tỷ trọng nợ phải trả trong tổng vốn kinh doanh.

Thứ ba, đẩy mạnh đầu tư đổi mới máy móc thiết bị, công nghệ

Thứ tư, tích cực triển khai ứng dụng công nghệ thông tin.

Thứ năm, phát triển hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm.

4.4.3.2 Giải pháp nâng cao năng suất lao động

Một là, các doanh nghiệp chú trọng đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, đổi mới công nghệ trong hoạt động sản xuất kinh doanh

Hai là, nâng cao chất lượng nguồn lao động tại doanh nghiệp

Ba là, xây dựng chính sách tiền lương, tiền thưởng làm động lực nâng cao năng suất lao động.

Bốn là, tạo môi trường làm việc thân thiện, gắn bó, hài hòa, điều kiện làm việc tốt.

4.4.3.3. Giải pháp tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động của ngành chế biến gỗ

Một là, cần sự nỗ lực từ chính người lao động trong quá trình làm việc.

Hai là, doanh nghiệp có những biện pháp tăng thu nhập cho người lao động

4.4.4. Nhóm giải pháp về phát triển bền vững ngành Công nghiệp chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ

4.5. Các khuyến nghị

4.5.1. Đối với Chính phủ

4.5.2. Đối với Ngân hàng

4.5.3. Đối với Hiệp hội gỗ

4.5.4. Đối với Doanh nghiệp chế biến gỗ.

Tóm tắt chương 4

Chương 4 đã đi sâu nghiên cứu một số nội dung như sau:

1) Nêu lên định hướng phát triển ngành chế biến gỗ Việt Nam cũng như vùng Đông Nam Bộ theo định hướng chiến lược phát triển ngành của Bộ NN&PTNN

(2) Trên cơ sở định hướng phát triển đồng thời đưa ra quan điểm và mục tiêu phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ Vùng Đông Nam Bộ.

(3) Trên cơ sở dự báo sự phát triển của ngành chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ trong thời gian tới.

(4) Trên cơ sở đó đưa ra các giải pháp phát triển ngành chế biến gỗ Vùng Đông Nam Bộ

(5) Đề xuất kiến nghị đối với nhà nước, các bộ ban ngành, hiệp hội chế biến gỗ và các doanh nghiệp sản xuất chế biến có những hành động, biện pháp phát triển ngành chế biến gỗ theo hướng bền vững.

KẾT LUẬN

Ngành công nghiệp chế biến gỗ của Vùng Đông Nam Bộ đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể trong những năm vừa qua được thể hiện thông qua việc gia tăng số lượng các cơ sở chế, gia tăng kim ngạch xuất khẩu, đa dạng hóa mẫu mã chất lượng sản phẩm và có thị trường tiêu thụ sản phẩm rộng lớn, năng lực và quy mô sản xuất của các doanh nghiệp trong ngành đã được nâng cao. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, ngành chế biến của Vùng cũng đang bộ lộ những hạn chế, yếu kém làm ảnh hưởng đến sự phát triển của ngành như quy mô, năng lực sản xuất của các doanh nghiệp vẫn chiếm đa số là quy mô nhỏ, sản phẩm chưa đa dạng theo yêu cầu của thị trường, việc tiêu thụ sản phẩm và nhập khẩu nguyên liệu thông qua nhiều trung gian, chưa chú trọng quảng bá thương hiệu sản phẩm, hình ảnh doanh nghiệp, thiếu sự liên kết giữa các doanh nghiệp trong Vùng, các doanh nghiệp còn sản xuất cạnh tranh thiếu lành mạnh, chưa đưa chất lượng sản phẩm và việc bảo vệ môi trường, sức khỏe người lao động đặt lên hàng đầu,...

Tóm lại, những kết quả đạt được của nghiên cứu trong luận án như sau:

Tổng kết các vấn đề lý luận tổng quan liên quan đến ngành chế biến gỗ, phân tích các nhân tố tác động đến sự phát triển của ngành, nêu kinh nghiệm của các quốc gia trong việc sản xuất chế biến gỗ. Từ đó, làm bài học kinh nghiệm cho ngành chế biến gỗ Việt Nam và cụ thể hơn là cho ngành chế biến gỗ Đông Nam Bộ.

Đánh giá thực trạng ngành chế biến gỗ Việt Nam và ngành chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ trên nhiều phương diện khác nhau căn cứ trên các chỉ tiêu về phát triển ngành. Phân tích những chính sách của Chính phủ liên quan đến sự phát triển của ngành công nghiệp chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ và mối liên kết giữa các doanh nghiệp trong ngành. Phân tích những biểu hiện chưa bền vững trong quá trình sản xuất chế biến gỗ của Vùng. Từ đó, đã đưa ra những kết luận, đánh giá chung về ngành chế biến gỗ, những thuận lợi, khó khăn, thách thức cản trở đối với sự phát triển của ngành chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng ngành chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ trong giai đoạn 2000 - 2015, tác giả đã đề xuất những giải pháp khuyến nghị đối với Nhà nước, các bộ ngành liên quan và doanh nghiệp góp phần phát triển ngành chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ theo hướng bền vững. Ngoài ra, trong quá trình nghiên cứu luận án không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót, cụ thể là:

Mặc dù nghiên cứu sự phát triển ngành chế biến gỗ Vùng Đông Nam Bộ nhưng tác giả chủ yếu nghiên cứu 3 tỉnh, thành phố là TP.Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương vì những lý do khách quan và chủ quan.

Số liệu sử dụng trong phân tích là số liệu về điều tra doanh nghiệp hàng năm của Tổng cục thống kê, cục thống kê các tỉnh và số liệu điều tra của tác giả. Trong đó, số liệu khó có độ tin cậy cao như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp (doanh thu, lợi nhuận, chi phí) được Tổng cục thống kê và cục thống kê các tỉnh điều tra hàng năm do doanh nghiệp khai báo căn cứ trên báo cáo quyết toán hàng năm của doanh nghiệp. Đa số các doanh nghiệp đặc biệt là các doanh nghiệp có vốn FDI kê khai lỗ nhiều năm liền vì giá nguyên liệu nhập khẩu cao, nhiều chi phí khác. Trong khi đó, các cơ quan chức năng của Việt Nam như cơ quan thuế khó kiểm tra chi phí ở các khâu này.

Khảo sát, tìm hiểu thực tế của tác giả cũng chỉ dừng lại ở việc nghiên cứu các doanh nghiệp chế biến gỗ trong nước, chưa nghiên cứu sâu các

doanh nghiệp liên doanh, các doanh nghiệp có vốn FDI, trong khi đó các doanh nghiệp này lại chiếm tỷ trọng lớn trong giá trị kim ngạch xuất khẩu sản phẩm. Điều này cũng làm hạn chế việc đánh giá thực trạng ngành chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ.

Ngành chế biến gỗ được hiểu là ngành sản xuất, chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ trừ hoạt động chế biến giấy. Các hoạt động sản xuất này bao gồm tất cả các cấp độ (dăm gỗ, xẻ, sấy khô, chế biến bán thành phẩm, chế biến các sản phẩm hoàn thiện). Luận án này chưa có đi sâu nghiên cứu hoạt động lâm nghiệp ngoài gỗ như mây, tre, nứa và hoạt động lâm nghiệp như trồng rừng, khai thác gỗ từ rừng,... Do đó, luận án chưa đi sâu phân tích đánh giá về thực trạng chuyển dịch cơ cấu phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ như chuyển dịch cơ cấu sản phẩm (chế biến thô, chế biến tinh, cơ cấu sản phẩm gỗ dùng cho công nghiệp, sản phẩm gỗ dùng cho tiêu dùng); chuyển dịch cơ cấu tổ chức chế biến (gia công, sản xuất sản phẩm có thương hiệu, tỷ lệ tham gia chuỗi giá trị).

Luận án còn hạn chế khi chưa phân tích chi tiết về sự phát triển bền vững của ngành thông qua các chỉ tiêu cụ thể về môi trường để phân tích như mức độ ô nhiễm khí thải, mức độ ô nhiễm chất thải rắn, mức độ ô nhiễm bụi, tiếng ồn (tỷ lệ doanh nghiệp đạt, không đạt) theo các chuẩn mực bảo vệ môi trường của Nhà nước.

Các nghiên cứu tiếp theo có thể tiếp tục thực hiện việc khảo sát thực tế các doanh nghiệp và có thể tìm ra thêm các nhân tố mới hoàn thiện việc đánh giá sự phát triển của ngành chế biến gỗ thông qua việc khảo sát các doanh nghiệp trong ngành gồm doanh nghiệp chế biến, doanh nghiệp cung cấp và doanh nghiệp phân phối (rất ít) trên cả nước và kể cả các doanh nghiệp chế biến gỗ ở nước ngoài để có sự so sánh, đánh giá với các doanh nghiệp chế biến gỗ Vùng Đông Nam Bộ. Ngoài ra, tiếp tục phân tích đánh giá các chỉ tiêu cụ thể về môi trường để sự đánh giá về sự phát triển của ngành chế biến gỗ hoàn thiện hơn.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Vũ Thu Hương, Trần Văn Hùng và Lê Thị Mai Hương (2014). *TPP-Cơ hội và thách thức đối với ngành chế biến gỗ Việt Nam*. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp, ISSN-1859-3828, trang 136-144, số Quý 3/2014.
2. Trần Văn Hùng (2014). *Phát triển ngành chế biến gỗ của một số nước trên thế giới và bài học cho Việt Nam*". Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương, ISSN 0868-3808. Trang 43-45, số cuối tháng 8/2014.
3. Trần Văn Hùng (2014). *Nâng cao năng lực ngành công nghiệp chế biến gỗ của Việt Nam đáp ứng nhu cầu hội nhập kinh tế quốc tế*. Tạp chí Phát triển và Hội nhập, ISSN 1859-428, trang 71-76, số 18 tháng 9-10/2014.
4. Trần Văn Hùng (2014). *Thực trạng năng lực sản xuất ngành chế biến gỗ Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế*". Tạp chí Khoa học và Công nghệ lâm nghiệp, ISSN 1859-3828, trang 143-150, số quý 4/2014.
5. Trần Văn Hùng (2014). *Nguồn nhân lực khoa học và công nghệ ngành công nghiệp chế biến gỗ Việt Nam - thực trạng và giải pháp*. Hội thảo khoa học “Đề khoa học công nghệ trở thành động lực phát triển kinh tế ở Việt Nam giai đoạn 2015-2020”- Trường Đại học Kinh tế-Luật, trang 120-127, tháng 12/2014.
6. Trần Văn Hùng (2015). *Nâng cao năng lực ngành chế biến gỗ tỉnh Đồng Nai*. Sở Khoa học công nghệ Đồng Nai, Thông tin khoa học công nghệ, ISSN 1859-0349, trang 15-25, số tháng 3/2015.
7. Trần Văn Hùng (2015). *Thực trạng và giải pháp phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ*. Tạp chí Phát triển và Hội nhập, ISSN 1859-428, số 22(32), trang 66-72, tháng 05-06/2015.
8. Trần Văn Hùng (2015). *Phát triển nguồn nguyên liệu ngành chế biến gỗ hướng đến mục tiêu phát triển bền vững*. Tạp chí phát triển khoa học và công nghệ, ĐH Quốc gia Tp.HCM, ISSN 1859-0128, trang 30-40 số quý 3/2015.